TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 - 2023
V/v: Ly hôn, TC nuôi con chung giữa anh T và chị M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân

Ông Đặng Văn Chỉnh

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2022/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/3/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn*: Chị Phan Thị Phương M, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 5, xã X, huyện, tỉnh Nam Định; Hiện ở: Xóm T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

* Người làm chứng: Bà Đỗ Thị G, địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh T, chị M, bà G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Phương M kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 03/02/2015. Sau khi cưới vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống hôn nhân căng thẳng không thể giải quyết được. Anh chị đã sống ly thân 4 năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Nguyễn Phan Quỳnh C sinh ngày 17/12/2015 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 08/2/2018. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu Đ và nhường quyền nuôi cháu C cho chị M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng*:* anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Anh có đơn xin không hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Chị Phan Thị Phương M vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị nhưng chị cố tình lẩn trốn không tham gia tố tụng. Mẹ đẻ chị là bà Đỗ Thị G có lời khai trình bày: Chị M và anh T kết hôn có đăng ký tại UBND xã X ngày 03/02/2015. Vợ chồng thuê nhà làm ăn ở thị trấn X, do làm ăn không thuận lợi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân đã 4 năm nay. Do chị M đi làm ăn không về Tòa án làm việc, chị có nói với bà việc anh T xin ly hôn chị, chị nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau. Anh chị có 2 con chung là Nguyễn Phan Quỳnh C sinh ngày 17/12/2015 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 08/2/2018, chị M nhận nuôi cháu C còn nhường cho anh nuôi cháu Đ. Tài sản chung chị M không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Phương M. Giao anh trực tiếp nuôi cháu Đ, chị M trực tiếp nuôi cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Phương M là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống và lý do kinh tế, anh chị đã sống ly thân 4 năm nay. Bản thân chị đã được tống đạt đầy đủ thủ tục tố tụng song không tham gia tố tụng cố tình lẩn trốn không có lý do chính đáng; chứng tỏ chị chỉ gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án chứ không thiết tha đoàn tụ. Xét thấy anh đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về việc nuôi con chung: Anh và chị có 2 con chung là Nguyễn Phan Quỳnh C sinh ngày 17/12/2015 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 08/2/2018. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu Đ còn nhường chị nuôi cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy nguyện vọng của anh cũng phù hợp vì cháu C là con gái để chị trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cháu nên chấp nhận yêu cầu của anh. Hai bên có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị Phương M.

2. Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 08/2/2018, chị M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phan Quỳnh C sinh ngày 17/12/2015. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0003110 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh